



# **SINH NON VÀ YẾU TỐ NGUY CƠ TẠI HUYỆN ĐÔNG ANH, HÀ NỘI, 2014-2015**

Ngô Toàn Anh



# ĐẶT VẤN ĐỀ

- Trẻ sinh non là trẻ sinh ra trước 37 tuần. Sinh non gây ra hậu quả nặng nề về lâu dài với trẻ sơ sinh.
- Ước tính có khoảng 9,6% trẻ sinh non trong năm 2005 – 12,9 triệu trẻ.
- Tìm hiểu các mối liên quan đến sinh non có thể giúp cải thiện chất lượng dân số.



# MỤC TIÊU

- ***Mô tả tỷ lệ sinh non và xác định các yếu tố nguy cơ liên quan đến sinh non tại huyện Đông Anh, Hà Nội, 2014-2015.***



# ĐỐI TƯỢNG VÀ PP NGHIÊN CỨU

- Đối tượng nghiên cứu là 1285 bà mẹ có thai, sinh con tại các cơ sở y tế và trẻ sơ sinh tại huyện Đông Anh
- Thiết kế nghiên cứu mô tả theo dõi dọc



# ĐỐI TƯỢNG VÀ PP NGHIÊN CỨU

Xử lý số liệu:

- Sử dụng SPSS 16.0 để quản lý, phân tích.
- Số liệu được phân tích và trình bày dưới dạng tổng số và tỷ lệ phần trăm.
- Test  $\chi^2$  và giá trị p được sử dụng để biểu thị sự khác biệt giữa các biến số độc lập và biến số phụ thuộc.
- Test ước lượng khoảng sử dụng nguy cơ tương đối (RR) và 95% CI để xem xét mối liên quan giữa các tỷ lệ sinh non



# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

**Bảng 1: Một số đặc trưng cá nhân của các bà mẹ**

Các yếu tố kinh tế-xã hội	Số lượng	Tỷ lệ (%)
<b>Tuổi</b>		
Ít hơn 20	24	1,9
20-29	897	69,8
30-39	349	27,2
40-49	15	1,2
<b>Trình độ học vấn</b>		
Tiểu học	24	1,9
THCS	229	17,8
THPT	473	36,8
Đại học	559	43,5



# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

**Bảng 1: Một số đặc trưng cá nhân của các bà mẹ (tiếp)**

Nghề nghiệp		
Công nhân viên chức	209	16,3
Ngoài nhà nước	206	16,0
Công nhân	349	27,2
Nông dân	168	13,1
Kinh doanh	183	14,2
Khác	170	13,2
Tình trạng kinh tế gia đình		
Nghèo	29	2,3
Cận nghèo	910	70,8
Không rõ	341	26,9



# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

**Bảng 2: Thông tin về sức khỏe sinh sản**

Sức khỏe sinh sản	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tiền sử sinh non		
Có	31	2,4
Không	1254	97,6
Tiền sử sinh con nhẹ cân		
Có	25	1,9
Không	1260	98,1
Sức khỏe thể chất trong quá trình mang thai		
Tuyệt vời	160	12,5
Tốt	864	67,2
Bình thường	256	19,9
Kém	5	0,4



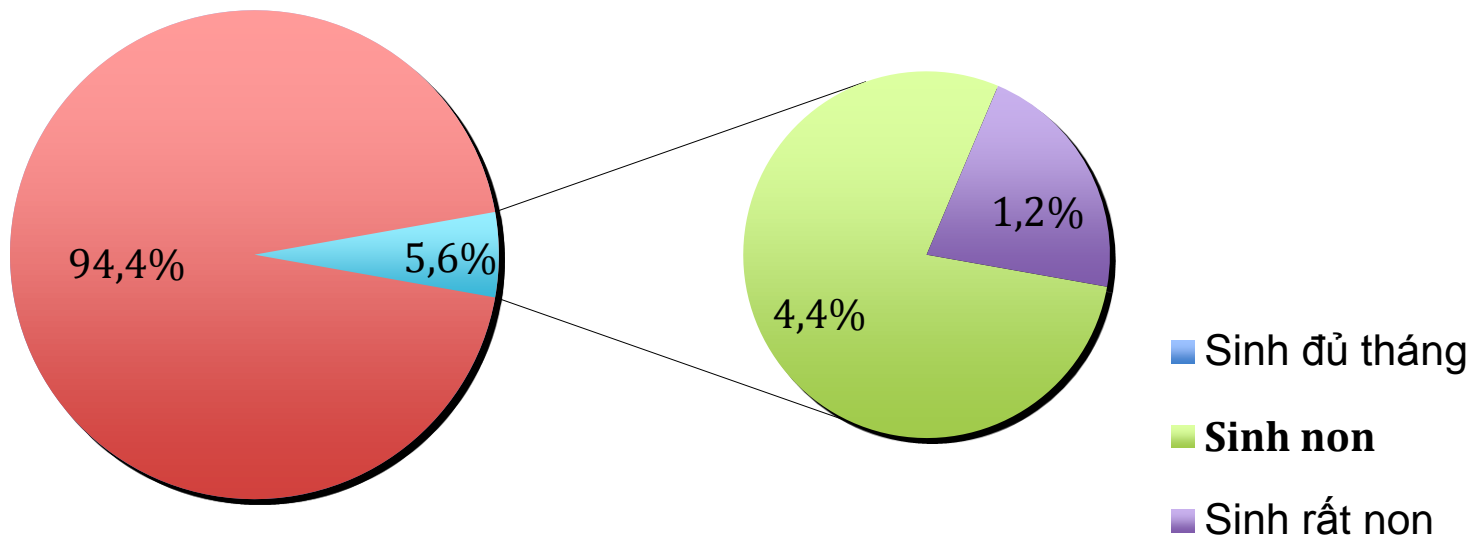


# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

**Bảng 2: Thông tin về sức khỏe sinh sản (tiếp)**

Sức khỏe sinh sản	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Sức khỏe tinh thần trong quá trình mang thai		
Tuyệt vời	407	31,7
Tốt	679	52,8
Bình thường	199	15,5
Bạo lực về tinh thần trong quá trình mang thai		
Có	723	56,3
Không	562	43,7
Bạo lực thể xác trong quá trình mang thai		
Có	157	12,2
Không	1128	87,8
Bạo lực tình dục trong quá trình mang thai		
Có	156	12,1
Không	1129	87,9
Trầm cảm trước sinh		
Có	64	5,0
Không	1216	95,0

# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN



**Biểu đồ 1: Tỷ lệ sinh non và mức độ sinh non**



# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

**Bảng 3: Mối liên quan giữa các yếu tố nguy cơ và sinh non**

<b>Yếu tố nguy cơ</b>	<b>Số trẻ sinh non (%)</b>	<b>Số trẻ không sinh non (%)</b>	<b>Phân tích đơn biến RR (95% CI)</b>	<b>Phân tích đa biến OR (95% CI)</b>
<b>Tuổi (năm)</b>				
Trên 25	41 (4,9)	797 (95,1)	1	1
Dưới 25	34 (7,6)	413 (92,4)	1,6 (1,00-2,41)	1,6 (0,99-2,67)
<b>Trình độ học vấn (năm)</b>				
10-12	60 (5,8)	972 (94,2)	1	1
1-9	15 (5,9)	238 (94,1)	1 (0,59-1,77)	1,1 (0,55-1,92)
<b>Nghề nghiệp</b>				
Khác	56 (5,2)	1017 (94,8)	1	1
Nông dân	17 (10,1)	151 (89,9)	1,9 (1,16-3,25)	1,9 (1,03-3,51)



# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

**Bảng 3: Mối liên quan giữa các yếu tố nguy cơ và sinh non (tiếp)**

<b>Yếu tố nguy cơ</b>	<b>Số trẻ sinh non (%)</b>	<b>Số trẻ không sinh non (%)</b>	<b>Phân tích đơn biến RR (95% CI)</b>	<b>Phân tích đa biến OR (95% CI)</b>
<b>Kinh tế hộ gia đình</b>				
Nghèo	0	29 (100)	Không áp dụng	Không áp dụng
Không nghèo	75 (6,0)	1176 (94,0)		
<b>Tình trạng sức khoẻ tâm thần</b>				
Tốt	59 (5,4)	1027 (94,6)	1	1
Bình thường và xấu	16 (8,1)	182 (91,9)	1,5 (0,87-2,53)	1,0 (0,45-2,18)
<b>Tình trạng sức khoẻ thể chất</b>				
Tốt	53 (5,2)	971 (94,8)	1	1
Bình thường và xấu	22 (8,5)	238 (91,5)	1,6 (1,01-2,64)	1,6 (0,78-3,17)



# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

**Bảng 3: Mối liên quan giữa các yếu tố nguy cơ và sinh non (tiếp)**

<b>Yếu tố nguy cơ</b>	<b>Số trẻ sinh non (%)</b>	<b>Số trẻ không sinh non (%)</b>	<b>Phân tích đơn biến RR (95% CI)</b>	<b>Phân tích đa biến OR (95% CI)</b>
<b>Tiền sử sinh non</b>				
Không	72 (5,8)	1179 (94,2)	1	1
Có*	3 (8,8)	31 (91,2)	1,5 (0,51-4,62)	1,6 (0,39-6,37)
<b>Bạo lực tinh thần</b>				
Không	39 (6,9)	523 (93,1)	1	1
Có	36 (5,0)	687 (95,0)	0,7 (0,46-1,11)	2,1 (1,38-6,58)
<b>Bạo lực thể xác</b>				
Không	61 (5,4)	1067 (94,6)	1	1
Có	14 (8,9)	143 (91,1)	1,6 (0,95-2,87)	1,6 (0,75-3,38)



# KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

**Bảng 3: Mối liên quan giữa các yếu tố nguy cơ và sinh non (tiếp)**

<b>Yếu tố nguy cơ</b>	<b>Số trẻ sinh non (%)</b>	<b>Số trẻ không sinh non (%)</b>	<b>Phân tích đơn biến RR (95% CI)</b>	<b>Phân tích đa biến OR (95% CI)</b>
<b>Bạo lực tình dục</b>				
Không	62 (5,5)	1067 (94,5)	1	1
Có	13 (8,3)	143 (88,2)	1,5 (0,85-2,69)	1,6 (0,79-3,25)
<b>Trầm cảm trước sinh</b>				
Không	65 (5,3)	1151 (94,7)	1	1
Có	10 (15,5)	54 (84,5)	2,9 (1,58-5,41)	3,0 (1,38-6,58)



# KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Sinh non vẫn là một vấn đề y tế công cộng tại Việt Nam. Tỷ lệ trẻ sinh non chiếm tỷ lệ khá cao (5,6%).
- Trầm cảm trước sinh, bạo lực về tinh thần, tuổi dưới 25, phụ nữ làm nông nghiệp là những yếu tố nguy cơ cao dẫn đến sinh non.
- Sàng lọc trầm cảm trước sinh, bạo lực gia đình và những biện pháp can thiệp kịp thời sẽ làm cải thiện kết quả thai nghén.



XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!